

**BỘ XÂY DỰNG
CỤC HẠ TẦNG KỸ THUẬT**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **418** /HTKT-GCN

Hà Nội, ngày **08** tháng 7 năm 2024

V/v thông báo kết quả thẩm định Báo
cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng
Trạm xử lý nước số 1, Giai đoạn 3
công suất: 14.000/34.000 m³/ngày.đêm
- Khu công nghiệp Sông Khoai

Kính gửi: Công ty Cổ phần Đô thị AMATA Hạ Long

Cục Hạ tầng kỹ thuật - Bộ Xây dựng đã nhận Tờ trình số 70/ACHL- PM ngày 21/03/2024 của Công ty Cổ phần Đô thị AMATA Hạ Long về thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng Trạm xử lý nước số 1, Giai đoạn 3 công suất: 14.000/34.000 m³/ngày.đêm - Khu công nghiệp Sông Khoai (mã hồ sơ: 000.00.00.G17-240527-0061 ngày 27/5/2024).

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 03/2016/QH14, Luật số 35/2018/QH14, Luật số 40/2019/QH14 và Luật số 62/2020/QH14;

Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Báo cáo thẩm tra số 394/202/BCTTr ngày 30/01/2024 của Công ty Cổ phần tư vấn xây dựng tổng hợp - NAGECCO về Thẩm tra hồ sơ thiết kế cơ sở Trạm xử lý nước số 1 - Giai đoạn 3 công suất 14.000/34.000 m³/ngày.đêm.

Sau khi xem xét, Cục Hạ tầng kỹ thuật - Bộ Xây dựng thông báo kết quả thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng Trạm xử lý nước số 1 - Giai đoạn 3 công suất 14.000/34.000 m³/ngày.đêm - Khu công nghiệp Sông Khoai với nội dung như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN

1. Tên dự án: Trạm xử lý nước số 1, Giai đoạn 3 công suất: 14.000/34.000 m³/ngày.đêm - Khu công nghiệp Sông Khoai (Trạm xử lý nước sạch số 1 theo tên gọi của quy hoạch tổng mặt bằng xây dựng tỷ lệ 1/500).

2. Nhóm dự án, loại, cấp công trình chính thuộc dự án:

3

- Nhóm dự án: thuộc Dự án nhóm A.
- Loại và cấp công trình: Công trình hạ tầng kỹ thuật, công trình cấp nước cấp I ($\geq 30.000 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$).

3. Người quyết định đầu tư: Ông Nguyễn Văn Nhân – Tổng Giám đốc.

4. Tên chủ đầu tư (nếu có) và các thông tin để liên hệ:

- Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Đô thị AMATA Hạ Long.
- Địa chỉ: Khu công nghiệp Sông Khoai, xã Sông Khoai, thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh. Điện thoại: (0203) 3567 007.

5. Địa điểm xây dựng: Tại Lô đất HT-02 diện tích 2ha, Khu công nghiệp Sông Khoai, xã Sông Khoai, thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh.

6. Giá trị tổng mức đầu tư: 97.479.437.770 đồng.

7. Nguồn vốn đầu tư: dự án sử dụng vốn khác (vốn tự có của Chủ sở hữu).

8. Thời gian thực hiện: 210 ngày.

9. Tiêu chuẩn, quy chuẩn áp dụng: Tiêu chuẩn và quy chuẩn hiện hành của Việt Nam.

10. Nhà thầu lập báo cáo nghiên cứu khả thi: Công ty TNHH Đầu Tư Xây Dựng và Công Nghệ Môi Trường Dương Nhật.

11. Nhà thầu khảo sát xây dựng: Liên danh Công ty TNHH MTV Xây Dựng Thương Mại Trường Thành - Công ty Cổ phần tư vấn thiết kế và khảo sát xây dựng Miền Tây.

12. Nhà thầu thẩm tra: Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng tổng hợp.

II. HỒ SƠ TRÌNH THẨM ĐỊNH DỰ ÁN

1. Văn bản pháp lý:

1.1. Về quy hoạch

- Quyết định số 903/QĐ-UBND ngày 30/3/2017 của UBND tỉnh Quảng Ninh về việc phê duyệt Quy hoạch phân khu chức năng tỷ lệ 1/2.000 “Khu công nghiệp Sông Khoai”, thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh; Quyết định số 4315/QĐ-UBND ngày 01/11/2017 của UBND tỉnh Quảng Ninh về việc phê duyệt điều chỉnh cục bộ Quy hoạch phân khu chức năng tỷ lệ 1/2.000 “Khu công nghiệp Sông Khoai”, thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh; - Quyết định số 1066/QĐ-UBND ngày 24/04/2023 của UBND tỉnh Quảng Ninh về việc phê duyệt điều chỉnh cục bộ (lần 03) Quy hoạch phân khu xây dựng tỉ lệ 1/2.000 KCN Sông Khoai, Thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh.

- Quyết định số 300/QĐ-BQLKKT ngày 12/10/2023 Ban quản lý Khu kinh tế Quảng Ninh về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Dự án xây dựng, kinh doanh cơ sở hạ tầng KCN Sông Khoai, thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh.

- Quyết định số 222/QĐ-BQLKKT ngày 22/9/2020 của Trưởng Ban quản lý Khu kinh tế Quảng Ninh về việc phê duyệt Quy hoạch tổng mặt bằng xây dựng

tỷ lệ 1/500 Trạm xử lý cấp nước sạch số 1, mô đun 1 – công suất 6.500/13.000 m³/ngày.đêm thuộc Lô HT-02, Khu công nghiệp Sông Khoai, thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh; Quyết định số 53/QĐ-BQLKKT ngày 01/03/2022 của Ban quản lý Khu kinh tế Quảng Ninh về việc Phê duyệt Quy hoạch tổng mặt bằng xây dựng tỷ lệ 1/500 Trạm xử lý cấp nước số 1, mô đun 2 – công suất 6.500/13.000 m³/ngày.đêm; Quyết định số 12/QĐ-BQLKKT ngày 12/01/2024 của Ban quản lý Khu kinh tế Quảng Ninh về việc Phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tổng mặt bằng xây dựng tỷ lệ 1/500 Trạm xử lý nước sạch số 1 tại Lô HT-02, khu công nghiệp Sông Khoai, thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh.

1.2. Chủ trương đầu tư

- Quyết định số 352/QĐ-TTg ngày 29/3/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án xây dựng, kinh doanh cơ sở hạ tầng khu công nghiệp sông Khoai, thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh.

- Giấy Chứng nhận đăng ký đầu tư của Dự án đầu tư Xây dựng, kinh doanh cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp Sông Khoai, thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh, mã số dự án 4380112185 ngày chứng nhận lần đầu 29/3/2018; chứng nhận điều chỉnh lần thứ năm ngày 16/02/2023; chứng nhận điều chỉnh lần thứ 6 ngày 22/3/2024.

1.3. Môi trường và PCCC

- Quyết định số 3487/QĐ-BTNMT ngày 29/12/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Đầu tư, xây dựng, kinh doanh cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp Sông Khoai, quy mô 714 ha” tại Thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh.

- Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy số 1862/TD-PCCC-P4 của Cục Cảnh sát PCCC và CNCH - Bộ Công an cấp ngày 30/08/2019.

1.4. Đấu nối

- Văn bản số 675/VB-CT ngày 5/11/2018 của Công ty TNHH Một thành viên Thủy Lợi Yên Lập Quảng Ninh về việc chấp thuận đấu nối nguồn cấp nước cho dự án Xây dựng, kinh doanh cơ sở hạ tầng KCN Sông Khoai giai đoạn;

- Văn bản số 1198/TLYL-QLN ngày 23/7/2020 của Công ty TNHH MTV Thủy Lợi Yên Lập Quảng Ninh về việc thống nhất vị trí đặt trạm bơm cấp 1 và tuyến ống nước thô trong phạm vi hành lang bảo vệ công trình thủy lợi do Công ty quản lý.

1.5. Các văn bản có liên quan

- Văn bản số 187/HTKT-QLHT ngày 08/5/2019 của Cục Hạ tầng kỹ thuật về thông báo kết quả thẩm định thiết kế cơ sở các hạng mục hạ tầng kỹ thuật Dự án xây dựng, kinh doanh cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp Sông Khoai, thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh – Giai đoạn 1 (123ha).

- Văn bản số 211/HTKT ngày 24/4/2020 của Cục Hạ tầng kỹ thuật về thông báo kết quả thẩm định thiết kế cơ sở hạng mục công trình Trạm xử lý nước số 1, mô đun 1 công suất 6.500m³/13.000m³/ngày.đêm, thuộc dự án đầu tư xây dựng, kinh doanh cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp Sông Khoai, tỉnh Quảng Ninh.

- Văn bản số 445/HTKT-QLHT ngày 30/9/2020 của Cục Hạ tầng kỹ thuật về thông báo kết quả thẩm định thiết kế bản vẽ thi công Hạng mục công trình Trạm xử lý nước số 1, mô đun 1 công suất 6.500/13.000 m³/ngày.đêm, thuộc dự án đầu tư xây dựng, kinh doanh cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp Sông Khoai, tỉnh Quảng Ninh.

- Văn bản số 130/HTKT-QLHT ngày 06/05/2022 của Cục Hạ tầng kỹ thuật về thông báo kết quả thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng Trạm xử lý nước số 1, mô đun 2 công suất 6.500/13.000 m³/ngày.đêm, thuộc dự án đầu tư xây dựng, kinh doanh cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp Sông Khoai.

- Giấy phép xây dựng số 153/BQLKKT-GPXD của Ban quản lý khu kinh tế Quảng Ninh, ngày 26/05/2022 cấp phép xây dựng cho Trạm xử lý nước số 1.

2. Hồ sơ, tài liệu khảo sát, thiết kế, thẩm tra:

- Hồ sơ khảo sát xây dựng; Báo cáo nghiên cứu khả thi; Báo cáo thẩm tra.

- Hồ sơ điều chỉnh Quy hoạch tổng mặt bằng xây dựng tỷ lệ 1/500 Trạm xử lý nước sạch số 1 tại Lô HT-02; Quy hoạch chi tiết xây dựng, kinh doanh cơ sở hạ tầng KCN Sông Khoai, thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh.

3. Năng lực hoạt động xây dựng của các tổ chức và năng lực hành nghề hoạt động xây dựng của các cá nhân tham gia thiết kế xây dựng công trình:

- Nhà thầu lập Báo cáo nghiên cứu khả thi Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng và Công nghệ Môi Trường Dương Nhật – Chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng: BXD – 00003071 do Cục công tác phía nam – Bộ xây dựng cấp ngày 30/05/2022, có giá trị đến ngày 30/5/2032, thiết kế hạ tầng kỹ thuật (cấp – thoát nước) hạng I. Chứng chỉ hành nghề, lý lịch cá nhân:

+ Chủ trì thiết kế kiến trúc: Kiến trúc sư Lê Văn Sấm - Chứng chỉ hành nghề kiến trúc LOA-00009 do Sở xây dựng Tỉnh Long An cấp ngày 08/11/2022.

+ Chủ nhiệm thiết kế - Chủ trì thiết kế nước: Kỹ sư Phạm Lê Minh Trị. Chứng chỉ hành nghề số BXD – 00039620 do Cục Quản lý hoạt động xây dựng Bộ xây dựng cấp ngày 05/09/2023.

+ Chủ trì thiết kế kết cấu: Kỹ sư Nguyễn Tấn Hưng - Chứng chỉ hành nghề số BXD-00091160 do Cục quản lý Hoạt động Xây dựng – Bộ Xây dựng cấp ngày 04/06/2020.

+ Chủ trì thiết kế điện: Chu Văn Đạm, Chứng chỉ hành nghề số BXD-00070157 do Cục quản lý Hoạt động Xây dựng – Bộ Xây dựng cấp ngày 27/08/2019.

- Nhà Thầu lập khảo sát xây dựng: Liên danh Công ty TNHH MTV Xây Dựng Thương Mại Trường Thành - Chứng chỉ năng lực số BXD-00004536 do Cục công tác phía nam Bộ xây dựng cấp ngày 30/5/2022 và Công ty Cổ phần tư vấn thiết kế khảo sát xây dựng Miền Tây – Chứng chỉ năng lực hoạt động số QNI-00012156 do Sở xây dựng Quảng Ninh cấp ngày 12/6/2018. Chủ trì khảo sát địa chất: KS. Nguyễn Quốc Khánh, chứng chỉ hành nghề số BXD-00001105 do Cục công tác phía Nam – Bộ Xây dựng cấp ngày 06/05/2022.

- Nhà thầu thẩm tra thiết kế cơ sở: Công ty Cổ phần tư vấn xây dựng tổng hợp - NAGECCO có Chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng số BXD-00001512 do Cục Quản lý hoạt động xây dựng – Bộ Xây dựng cấp ngày 26/4/2022. Chứng chỉ hành nghề, lý lịch cá nhân:

+ Chủ trì thẩm tra kết cấu: KS. Bạch Ngọc Hoàng, chứng chỉ hành nghề số BXD-00138997 do Cục Công tác phía Nam - Bộ Xây dựng cấp ngày 04/5/2022.

+ Chủ trì thẩm tra kiến trúc: Ths. KTS. Phan Thanh Hùng, chứng chỉ hành nghề số HCM-00000251 do Sở Quy hoạch - Kiến trúc thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 07/03/2022.

+ Chủ trì thẩm tra điện: Nguyễn Xuân Nam. Chứng chỉ hành nghề số BXD-00138992 do Cục Công tác phía Nam - Bộ Xây dựng cấp ngày 04/5/2022.

+ Chủ trì thẩm tra nước: Phạm Quang Duy. Chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng BXD-00087841 do Cục Quản lý hoạt động xây dựng Bộ xây dựng cấp ngày 24/04/2020.

III. NỘI DUNG HỒ SƠ TRÌNH THẨM ĐỊNH

III. 1. Tổng quan về Trạm xử lý nước số 1

Theo nội dung báo cáo tại hồ sơ, hiện nay công ty Cổ phần Đô thị Amata Hạ Long đã đầu tư xây dựng xong và đưa vào vận hành 2 giai đoạn (mô đun 1, 2 mỗi mô đun 6.500 m³/ngày đêm) của Trạm xử lý nước số 01 tổng công suất 13.000 m³/ngày.đêm. Tuy nhiên, để đáp ứng đủ công suất nước sạch cho các dự án đầu tư thứ cấp nằm trong Khu công nghiệp Sông Khoai tại thời điểm hiện tại và tương lai, Trạm xử lý nước số 1 điều chỉnh để nâng công suất từ 13.000 m³/ngày.đêm lên thành 34.000 m³/ngày.đêm (bao gồm 4 mô đun) theo Quyết định số 12/QĐ-BQLKKT ngày 12/01/2024 của Ban quản lý Khu kinh tế Quảng Ninh về việc Phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tổng mặt bằng xây dựng tỷ lệ 1/500 Trạm xử lý cấp nước sạch số 1 tại Lô HT-02, khu công nghiệp Sông Khoai, thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh và để phù hợp với Quyết định số 1066/QĐ-UBND ngày 24/04/2023 của UBND tỉnh Quảng Ninh về việc phê duyệt điều chỉnh cục bộ (lần 03) Quy hoạch phân khu xây dựng tỉ lệ 1/2.000 KCN Sông Khoai, Thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh.

Hiện nay các dự án thứ cấp trong Khu công nghiệp ngày càng tăng, do đó cần thực hiện xây dựng tiếp tục giai đoạn 3 (mô đun 3) công suất 14.000

m³/ngày.đêm gồm các bể, hạng mục nhà phụ trợ và các hạng mục hạ tầng kỹ thuật để đáp ứng việc cấp nước cho các nhà máy trong khu công nghiệp (chưa bao gồm các hạng mục của giai đoạn 4 – mô đun 4). Các hạng mục của giai đoạn 3 được xây tại lô đất HT02 của trạm hiện hữu trên cơ sở Quyết định số 12/QĐ-BQLKKT ngày 12/01/2024 của Ban quản lý Khu kinh tế Quảng Ninh về việc Phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tổng mặt bằng xây dựng tỷ lệ 1/500 Trạm xử lý cấp nước sạch số 1 tại Lô HT-02, Khu công nghiệp Sông Khoai, thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh.

Bảng các hạng mục công trình thẩm định giai đoạn 3 (mô đun 3)

STT	Ký hiệu	Hạng mục công trình	Diện tích (m ²)
I	Cụm bể xử lý		
1	T01.3	Cụm bể xử lý - Giai đoạn 3 - Cụm bể chính là bể hợp khối các bể ET01-A/B, ET02-A/B, ET03-A/B, ET04-A/B/C/D/E, ET05-A/B được xây dựng đặt trên bể ET06-A - Bể ET06-A có tổng diện tích 1.405,16 m² (Đã bao gồm cầu thang). - Tổng diện tích các bể ET01-A/B, ET02-A/B, ET03-A/B, ET04-A/B/C/D/E, ET05-A/B là 374,88 m² được xây nằm trọn trên bể ET06-A.	1.405,16
2	T02.3 (ET07)	Hồ chứa nước rửa lọc giai đoạn 3	603,49
3	S01.3 (S01)	Sàn đặt thiết bị cụm bể thép giai đoạn 3	305,28
4	T05.3 (ET08)	Bể nén bùn giai đoạn 3	88,21
II	Cụm nhà		
1	N02.3 (EN02)	Nhà xe giai đoạn 3	82,68
2	N04.3 (EN04)	Trạm bơm cấp II giai đoạn 3	188,00
3	N05.3 (EN05)	Nhà pha hóa chất giai đoạn 3	73,69
4	N06.3 (EN08)	Nhà ép bùn giai đoạn 3	167,32
5	N09.3 (N09)	Nhà đặt máy phát điện giai đoạn 3	22,42
6	TBA.3 (ETBA)	Trạm biến áp giai đoạn 3	9,00
III	Hạng mục phụ trợ		

1	T06.3 (SMH)	Hố ga thu bùn hồ chứa nước rửa lọc	2,28
2	T04.3 (EGMH)	Hố ga thu nước ngầm giai đoạn 3	1,44
3	H01.3 (H01)	Hố ga đầu nối nước thô kênh Yên Lập giai đoạn 3 với giai đoạn 1 & 2	11,12
4	H02.3 (H02)	Hố ga đầu nối nước thô từ hồ dự phòng giai đoạn 3 với giai đoạn 1 & 2	5,76
5	H03.3 (EH00), H04.3 (EH03), H05.3 (EH01)	Hố ga kết nối đồng hồ lưu lượng/đầu vào giai đoạn 3	22,00
6	H06.3 (EH02), H07.3 (EH06), H08.3 (EH05)	Hố ga kết nối giai đoạn 3	5,70
7	HGNT1-6.3 (NHG01-06)	Hố ga thoát nước thải giai đoạn 3	10,34
8	HGT1-11.3 (HG1-11)	Hố ga thoát nước mưa số giai đoạn 3	11,00
9	C1.3	Cổng vào giai đoạn 3	-

Bảng sử dụng đất Trạm xử lý nước số 1 phục vụ thẩm định giai đoạn 3

STT	Loại đất	Diện tích chiếm đất (m ²)	Tỷ lệ (%)
1	Đất xây dựng công trình	7.371,63	36,94
2	Đất sân, đường nội bộ, bãi đỗ xe, hạ tầng kỹ thuật	3.005,23	15,06
3	Đất trồng cây xanh, thảm cỏ	8.470,41	42,44
4	Đất mặt nước	1.110,43	5,56
	Diện tích đất tổng cộng	19.957,7	100

III.2. Hạ tầng kỹ thuật trình thẩm định giai đoạn 3 (mô đun 3)

1. San nền

Cao độ san nền của lô đất từ +1,89m đến +2,29 được xác định theo quy hoạch điều chỉnh được phê duyệt tại Quyết định số 12/QĐ-BQLKKT ngày 12/01/2024 của Ban Quản lý Khu kinh tế Quảng Ninh. Cao độ +1,89m được chọn làm mốc cos ±0,00m trong quá trình thiết kế và triển khai thi công và tuân thủ theo quy hoạch được phê duyệt. Cao độ không chế dựa trên cao độ Quy hoạch

được duyệt và kết hợp thoát nước dọc đường theo quy chuẩn hiện hành để đảm bảo khu đất không ngập và tối ưu về đào đắp và thuận lợi thoát nước mặt, tránh đọng nước trên đường, đảm bảo mỹ quan và an toàn cho kết cấu áo đường.

2. Giao thông

- Các tuyến đường thiết kế trong giai đoạn 3 (mô đun 3) bao gồm: Đoạn đường từ điểm M8 đến M13, dài khoảng 63,6m; Đoạn đường từ điểm M10 đến M12, dài khoảng 101,85m; Đoạn đường từ điểm M1 đến M2, dài khoảng 19,1m; Lối đi vận hành: diện tích 1068,43m²; Các đoạn đường phục vụ kết nối Trạm xử lý nước số 1 với đường của khu công nghiệp (*không thuộc Trạm xử lý nước số 1 và nằm ngoài hàng rào*) bao gồm các đoạn: M1 đến M3, dài khoảng 12,5m, đường rộng 10m; M4 đến M5, dài khoảng 12,5m, đường rộng 4m; M6 đến M7, dài khoảng 12,5m, đường rộng 4m.

- Mặt cắt ngang: Đoạn M8 đến M13: Mặt đường rộng 4m, độ dốc ngang mặt đường phần xe chạy $i = 1\%$; Đoạn M10 đến M12: Mặt đường rộng 6m, độ dốc ngang mặt đường phần xe chạy $i = 2\%$; Đoạn từ M1 đến M2: Mặt đường rộng 10m, hai bên đắp đất, độ dốc ngang mặt đường phần xe chạy $i = 0\%$; Đoạn: M1 đến M3: Mặt đường rộng 10m, M4 đến M5: Mặt đường rộng 4m, M6 đến M7: Mặt đường rộng 4m, độ dốc ngang mặt đường phần xe chạy $i = 0\%$.

- Nền đường: Lu lèn nguyên thổ đạt $K \geq 0,90$, Mô đun đàn hồi nền đường $E_0 \geq 40 \text{ MPa}$.

- Kết cấu áo đường: Đường nội khu (đường chính): Bê tông đá 1x2 M350, dày 200mm; Cấp phối đá dăm 0x4 dày 300mm, đầm chặt $k = 0,95$; Lớp đất san lấp đầm chặt $k = 0,9$; Kết cấu bó vỉa bằng bê tông đá 1x2 M200; Kết cấu bó hè: Xây gạch thẻ M75 (trát vữa M75 mặt trên và mặt ngoài dày 1,5cm); Bê tông lót móng đá 4x6 M100.

- Kết cấu lối đi vận hành: Lối đi vận hành dọc xung quanh gần hàng rào và khu vực giai đoạn 03 lát gạch block tự chèn, đất đầm chặt $K > 0,90$, trải lớp cấp phối đá dăm 0x4 dày 100mm, lót gạch block trồng cỏ 8 lỗ; Lối đi vận hành xung quanh sân bê tông S01.3 và phần phía sau cụm bể T01.1 lát gạch con sêu; đất đầm chặt $K > 0,90$, trải lớp cấp phối đá dăm 0x4 dày 100, lót gạch con sêu.

3. Thoát nước mưa

Hệ thống thu gom nước mưa bao gồm: Các hố ga bê tông cốt thép kích thước 1000x1000mm; Cống bê tông cốt thép D300. Ngoài ra bao gồm các tuyến ống thu nước mưa ở các mái nhà vật liệu uPVC thu gom về hố ga nước mưa gần nhất: D90, D114.

4. Cấp nước

- Nguồn thứ 1: Cấp nước thô xử lý với tổng công suất xử lý là: 34.000m³/ngày.đêm, đường kính ống D315mm, D450mm, D500mm, D710mm.

Nguồn thứ 2: cấp nước cho sinh hoạt của người vận hành và quản lý Trạm và nước dùng pha hóa chất với lưu lượng

- Tổng nhu cầu dùng nước sạch tính toán cho trạm xử lý, cấp nước cho sinh hoạt của người vận hành và quản lý Trạm và nước dùng pha hóa chất với lưu lượng... là 91 m³/ngày. Nguồn nước cấp lấy từ nguồn nước cấp tại Trạm bơm cấp II N04.1 (N04) hiện hữu và Trạm bơm cấp II N04.3 (EN04) xây dựng mới giai đoạn 3 (mô đun 3).

- Nguồn nước cấp phụ vụ cho sinh hoạt, pha hóa chất, vận hành chủ yếu được cấp nước từ Trạm bơm cấp II N04.1 (N04) hiện hữu. Riêng nước cấp phục vụ riêng trong Trạm bơm cấp II N04.3 (EN04) và nước cấp cho Cụm nhà PCCC giai đoạn 4 N07.4 (EN07) lấy nước cấp từ Trạm bơm cấp II N04.3 (EN04).

- Đường ống chính cấp nước sạch sử dụng DN50, các đường ống nhánh DN40, DN32..., đi âm tối thiểu 0,3m ở khu vực hành lang hay băng qua đường để cấp nước cho từng khu vực.

- Ngoài ra, Trạm xử lý nước số 1 là nơi cấp nước phụ vụ công tác phòng cháy chữa cháy cho toàn Khu công nghiệp. Khi có quá trình cháy xảy ra. Bơm của Trạm xử lý sẽ hoạt động cấp nước 1 phần cho quá trình phòng cháy chữa cháy thông qua đường ống cấp nước D114, SUS304. Trong Trạm xử lý nước số 1 được trang bị hệ thống chữa cháy tại chỗ bằng bình bọt, đặt tại nhà điều hành và nhà phụ trợ.

5. Thoát nước thải

- Nước thải phát sinh trong Trạm xử lý nước số 1, tại lô HT-02, Khu công nghiệp Sông Khoai, Thị xã Quảng Yên, Tỉnh Quảng Ninh chủ yếu là nước thải sinh hoạt của các nhân sự quản lý và vận hành trạm. Nước thải sinh hoạt sau khi được xử lý qua bể phốt và nguồn nước thải khác sẽ được dẫn tới hố ga đầu nối nằm ở góc Tây Nam trong khuôn viên trạm xử lý nước ở phía tiếp giáp với đường chính Amata của KCN. Đường ống thoát nước thải trong trạm xử lý nước số 1 là ống uPVC, đường kính ống từ D90 đến D220.

- Tuyến thoát nước thải từ trạm ra hệ thống thoát nước thải của KCN bao gồm: Ống nhựa uPVC D220 và Hố ga bê tông cốt thép, kích thước BxH=1100x1100.

6. Cấp điện và chống sét

- Nguồn điện lấy từ trạm điện 110KV trong Khu công nghiệp được xây dựng tại khu đất hạ tầng kỹ thuật nằm ở phía Đông Bắc của Khu công nghiệp.

- Trạm biến áp của Trạm xử lý nước số 1, giai đoạn 3, 4 (mô đun 3, 4) (phân kỳ 02) tổng công suất 21.000 m³/ngày.đêm được đầu nối từ tuyến cáp trung thế 22kV trên tuyến đường Amata của Khu Công Nghiệp. Tuyến cáp 22kV này, dẫn từ Trạm điện 110kV dọc theo đường số 14 và cấp tới tuyến đường Amata của Khu công nghiệp.

- Đường cáp ngầm được kéo từ cột điểm đầu T1 vào trạm biến áp TBA phân kỳ 2: trạm 01 công suất 750KVA cho giai đoạn 03 và trạm 02 công suất 650 kVA cho giai đoạn 04 bên trong dự án để cấp điện cho công trình. Trạm biến áp sử dụng loại trạm nền. Cáp điện cấp cho công trình và cho các thiết bị đoạn chôn trong đất sẽ được đi trong ống xoắn luồn cáp HDPE chuyên dụng, được lấp đất đầm chặt có băng cảnh báo, mốc báo hiệu bảo vệ, chiều sâu mương cáp 500mm. Các đoạn cáp đi ngoài bề, trong nhà sẽ được đi trong máng cáp, ống cứng PVC gắn nổi.

- Trong giai đoạn 3 (mô đun 3), bổ sung thêm 01 hệ chống sét với bán kính bảo vệ là 85m, cấp III đặt trên bể T01.3 để đảm bảo chống sét cho toàn nhà máy, sử dụng kim thu sét của Ingesco, cọc tiếp địa đường kính D16 và dài 2,4m.

7. Chiếu sáng

- Điện chiếu sáng ngoài nhà khu vực khuôn viên và xung quanh cụm bể xử lý nước:

+ Khoảng cách tối đa các cột đèn từ 25 – 30m, chọn cột đèn có chiều cao 8m để đảm bảo chiếu sáng khu vực trên bể XLNT. Chọn loại đèn led cao áp công suất 150W, quang thông khoảng 100lm/W.

+ Cáp chiếu sáng được chôn trong ống bảo vệ HDPE trong đất ở độ sâu 0,7m. Cáp chiếu sáng ngoài nhà sử dụng cáp CU/PVC/PVC 4x2,5mm².

- Điện chiếu sáng trong nhà cho các khối nhà của Trạm xử lý nước sẽ sử dụng bóng đèn led công suất 18W được gắn nổi, nguồn cấp thông qua các tủ mô đun âm tường và công tắc âm tường.

III.3. Hạng mục Công trình xử lý và phụ trợ

1. Sàn đặt thiết bị cụm bể thép S01.3 (S01)

1.1. Kiến trúc:

Sàn bê tông nổi, cao độ thiết kế so với cao độ san lấp $\text{cos} \pm 0,00$; cao độ sàn: +1,00m; 01 sàn; Kích thước: 19,2m x 15,9m, diện tích: 305,28 m².

1.2. Kết cấu: Bê tông cốt thép; Bê tông lót: M150 đá 1x2cm, dày 70mm; Nền Bê tông: M250 đá 1x2 cm.

2. Cụm bể xử lý bê tông T01.3

2.1. Kiến trúc: Cụm bể xử lý bê tông T01.3 là cụm bể hợp khối bao gồm các bể ET01-A/B, ET02-A/B, ET03-A/B, ET04-A/B/C/D/E, ET05-A/B được xây dựng đặt trên bể ET06-A với cao độ: từ -3,90m đến +6,75m so với $\text{cos} \pm 0,00$ m (tổng chiều cao xây dựng là 10,65m) với diện tích xây dựng: 1.405,16 m². Kích thước chi tiết các bể được thể hiện trên bản vẽ thiết kế.

2.2. Kết cấu: Chiều dày thành dày 200mm-300mm. Kết cấu đáy, thành, sàn công tác bằng bê tông cốt thép. Bê tông cốt thép M250. Giải pháp móng cọc bê tông ly tâm dự ứng lực mác 800, tiết diện D300. Bê tông cốt thép M250. - Bê tông cốt thép: Bê tông kết cấu móng, cột, dầm, sàn, vách, M250 đá 1x2cm.

3. Hồ chứa nước rửa lọc T02.3 (ET07)

3.1. Kiến trúc

- Hồ nổi 1 phần, cao hơn nền đất san lấp hoàn thiện 0,9m. Cao độ thiết kế so với cao độ san lấp +0,00, (cao độ đáy/ cao độ đỉnh): -2,4 đến -3,1/+0,90m. Có lan can bảo vệ 1,0m.

- Diện tích: $= ((23,0\text{m} + 19,8\text{m}) \times 28,2\text{m}) : 2 = 603,49 \text{ m}^2$ (Kích thước phủ bì). Thể tích: 1256,53m³.

- Kích thước lọt lòng: Diện tích mặt hồ x Diện tích đáy hồ x chiều cao trung bình = 463,45 m² x 237,53 m² x 3,65m (Kích thước lọt lòng).

3.2. Kết cấu

- Thành và đáy hồ là đất tự nhiên, trải bạt HDPE màu đen được neo bằng cách chôn vào đất.

- Kết cấu đáy, thành, sàn công tác bằng bê tông cốt thép: Bê tông kết cấu rôn bề, cột tiếp xúc với đất, nước; sàn thao tác; đáy, thành, sàn công tác: M250.

4. Bể nén bùn T05.3 (ET08)

4.1. Kiến trúc

- Bể nổi 1 phần, cao hơn nền đất san lấp hoàn thiện 2,4m. Cao độ thiết kế so với cao độ san lấp +0,00, (cao độ đáy/ cao độ đỉnh): -2,1/+2,4m. Có lan can bảo vệ 1,0m.

- Diện tích: $9,1\text{m} \times 9,1\text{m} + 4,5\text{m} \times 1,2\text{m} = 88,21\text{m}^2$ (Kích thước phủ bì - Đã bao gồm cầu thang).

- Kích thước lọt lòng: 8,5m x 8,5m x 4,5m. Thể tích 325,125 m³.

4.2. Kết cấu

- Kết cấu đáy, thành, sàn công tác bằng bê tông cốt thép, chiều dày thành dày 200mm. Bê tông cốt thép M250.

- Bê tông lót: M150 đá 1x2cm, dày 70mm; Bê tông kết cấu móng, cột, dầm, sàn, vách: M250 đá 1x2 cm.

- Bê tông kết cấu rôn bề, cột tiếp xúc với đất, nước; sàn thao tác; đáy, thành, sàn công tác: M250.

5. Hồ ga thu nước ngầm T04.3 (EGMH)

5.1. Kiến trúc

- Bể nổi 1 phần, cao hơn nền đất san lấp hoàn thiện 0,90m. Cao độ thiết kế so với cao độ san lấp +0,00m, (cao độ đáy/ cao độ đỉnh): +0,90/-3,10m.

- Diện tích: $1,2\text{m} \times 1,2\text{m} = 1,44\text{m}^2$ (Kích thước phủ bì).

- Kích thước lọt lòng: 0,8m x 0,8m x 4,0m. Thể tích 2,56 m³.

5.2. Kết cấu

- Kết cấu đáy, thành, sàn công tác bằng bê tông cốt thép, chiều dày thành dày 200mm. Bê tông cốt thép M250.

- Bê tông kết cấu móng, cột, dầm, sàn, vách: M250 đá 1x2 cm.

6. Hồ ga thu bùn hồ chứa nước rửa lọc T06.3 (SMH)

6.1. Kiến trúc

- Bể nổi 1 phần, cao hơn nền đất san lấp hoàn thiện 0,90m. Cao độ thiết kế so với cao độ san lấp +0,00m, (cao độ đáy/ cao độ đỉnh): +0,90/-3,10m.
- Diện tích: $1,9\text{m} \times 1,2\text{m} = 2,28\text{m}^2$ (Kích thước phủ bì)
- Kích thước lọt lòng: $1,5\text{m} \times 0,8\text{m} \times 4,0\text{m}$. Thể tích 4,83 m³.

6.2. Kết cấu

- Kết cấu đáy, thành, sàn công tác bằng bê tông cốt thép, chiều dày thành dày 200mm. Bê tông cốt thép M250.
- Bê tông kết cấu móng, cột, dầm, sàn, vách: M250 đá 1x2 cm.

7. Trạm bơm cấp II N04.3 (EN04)

7.1. Kiến trúc

- Diện tích: 188 m²; Kích thước: 20m x 9,4m x 11,2 m x 01 cụm nhà.
- Cao độ thiết kế so với cao độ san lấp +7.5m (cao độ sàn / cao độ đỉnh mái): -3,7/+7,5m.

7.2. Kết cấu

- Kết cấu cột, dầm, sàn, bản thành dưới đất tự nhiên sử dụng bê tông cốt thép. Tường xây gạch ống mác 75, vữa xi măng mác 75. Trát vữa xi măng mác 75 dày 15mm. Tường bên trong từ cao độ -3,7 đến -2,5m lát gạch ceramic, từ cao độ -2,5m đến +0,7m sơn KOVA CT11A, phần còn lại bên trong và bên ngoài sơn 1 lớp sơn lót và 2 lớp sơn màu.

- Mái kết cấu bê tông cốt thép, xà gồ thép hộp, phía trên lợp tôn mạ màu dày 0,45mm.

- Giải pháp móng cọc bê tông ly tâm dự ứng lực mác 800, tiết diện D300.
- Bê tông cốt thép: Bê tông lót: M150 đá 1x2cm; Bê tông kết cấu móng, cột, dầm, sàn, vách: M250 đá 1x2 cm.

7.3. Cấp điện, chiếu sáng

Giải pháp chi tiết bên trong mỗi hạng mục công trình, mạng điện động lực. Để đảm bảo nguồn cấp điện thuận tiện cho các hạng mục bên trong công trình, thiết kế mới một trạm biến áp cho giai đoạn 03 cấp điện cho toàn công trình. Phương án chiếu sáng sử dụng: Đèn chiếu sáng trong nhà: Led đơn (1,2m, 1x18W).

8. Nhà pha hóa chất N05.3 (EN05)

8.1. Kiến trúc

- Diện tích: 73,69 m²; Kích thước: 8,4m x 8,0m x 6,7 m +1,1m x 5,9m (cầu thang) x 01 cụm nhà.

NGH
NG
UẬT
DUNG

✓

- Cao độ thiết kế so với cao độ san lấp +7,0m (cao độ sàn / cao độ đỉnh mái): +0,3/+7,0m.

8.2. Kết cấu

- Kết cấu cột, dầm, sàn sử dụng bê tông cốt thép. Tường xây gạch ống mác 75, vữa xi măng mác 75. Trát vữa xi măng mác 75 dày 15mm. Tường sơn 1 lớp sơn lót và 2 lớp sơn màu.

- Mái kết cấu bê tông cốt thép, xà gồ thép hộp, phía trên lợp tôn mạ màu dày 0,45mm.

- Giải pháp móng cọc bê tông ly tâm dự ứng lực mác 800, tiết diện D300.

- Bê tông cốt thép: Bê tông lót: M150 đá 1x2cm; Bê tông kết cấu móng, cột, dầm, sàn, vách: M250 đá 1x2 cm.

8.3. Cấp điện, chiếu sáng

Giải pháp chi tiết bên trong mỗi hạng mục công trình, mạng điện động lực. Để đảm bảo nguồn cấp điện thuận tiện cho các hạng mục bên trong công trình, thiết kế mới một trạm biến áp cho giai đoạn 03 cấp điện cho toàn công trình. Phương án chiếu sáng sử dụng: Đèn chiếu sáng trong nhà: Led đơn (1,2m, 1x18W).

9. Nhà ép bùn N06.3 (EN08)

9.1. Kiến trúc

- Diện tích: 167,32 m²; Cao độ thiết kế so với cao độ san lấp +6,18m (cao độ sàn / cao độ đỉnh mái): +0,2/+6,18m.

- Kích thước: Dài x Rộng x Cao = 17,8m x 9,4m x 5,98 m x 01 cụm nhà.

- Cao độ thiết kế so với cao độ san lấp +6,18m (cao độ sàn / cao độ đỉnh mái): +0,2/+6,18m.

9.2. Kết cấu

- Kết cấu mái: cột, vì kèo, xà gồ thép sơn chống rỉ 1 lớp lót, 2 lớp phủ, mái lợp tole mạ màu 0,5mm; Mái kết cấu bê tông cốt thép, xà gồ thép hộp, phía trên lợp tôn mạ màu dày 0,45mm.

- Giải pháp móng cọc bê tông ly tâm dự ứng lực mác 800, tiết diện D300.

- Bê tông cốt thép: Bê tông lót: M150 đá 1x2cm; Bê tông kết cấu móng, cột, dầm, sàn, vách: M250 đá 1x2 cm.

9.3. Cấp điện, chiếu sáng

Giải pháp chi tiết bên trong mỗi hạng mục công trình, mạng điện động lực. Để đảm bảo nguồn cấp điện thuận tiện cho các hạng mục bên trong công trình, thiết kế mới một trạm biến áp cho giai đoạn 03 cấp điện cho toàn công trình. Phương án chiếu sáng sử dụng: Đèn chiếu sáng trong nhà: Led đơn (1,2m, 1x18W).

10. Nhà đặt máy phát điện N09.3 (N09)

10.1. Kiến trúc

- Diện tích: 22,42 m²; Kích thước: 5,9m x 3,8m x 3,25 m x 01 cụm nhà.
- Cao độ thiết kế so với cao độ san lấp +3,55m (cao độ sàn / cao độ đỉnh mái): +0,3/+3,55m.

10.2 Kết cấu

- Kết cấu mái: cột, vì kèo, xà gồ thép sơn chống rỉ 1 lớp lót, 2 lớp phủ, mái lợp tole mạ màu 0,45mm; Mái kết cấu bê tông cốt thép, xà gồ thép hộp, phía trên lợp tôn mạ màu dày 0,45mm.
- Bê tông cốt thép: Bê tông lót: M150 đá 1x2cm; Bê tông kết cấu móng, cột, dầm, sàn, vách: M250 đá 1x2 cm.

11. Trạm biến áp TBA.3 (ETBA)

Diện tích: 9,0m²; Kích thước: 3,0m x 3,0m x 01 vị trí.

12. Nhà xe N02.3 (EN02)

12.1. Kiến trúc: Diện tích: 7,9m x 10,2m + 1,9m x 1,2m = 82,68m². Kích thước: 7,9m x 10,2m x 11,2 m x 01 cụm nhà + 1,9m x 1,2m (Bậc tam cấp); Cao độ thiết kế so với cao độ san lấp +3,5m (cao độ sàn / cao độ đỉnh mái): +0,5/3,5m.

12.2. Kết cấu: Nền trải lớp cấp phối đá dăm 0x4 dày, đệm cát 50mm; Lát gạch block trơn cỡ 8 lỗ; Cột thép mạ kẽm D60 dày 2mm, giằng cáp D10.

13. Cổng

- Mở cổng phụ cho cụm nhà phòng cháy chữa cháy tương lai và kết nối đến đường ngoài KCN, hình thành mạng lưới giao thông hoàn chỉnh.
- Cổng vật liệu thép sơn chống rỉ và sơn hoàn thiện, cao 2,05m.

IV. KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH

Phạm vi và nguyên tắc thẩm định:

- Cục Hạ tầng kỹ thuật thực hiện thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 58 Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 (đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 15 Điều 1 của Luật số 62/2020/QH14) trên cơ sở hồ sơ trình thẩm định, không xem xét đánh giá các nội dung khác ngoài các nội dung quy định này;

- Nội dung thẩm định liên quan về quy hoạch của cơ quan chuyên môn về xây dựng quy định tại Luật Xây dựng chỉ trong phạm vi xem xét sự phù hợp của thiết kế cơ sở với quy hoạch xây dựng; không xem xét quá trình phê duyệt quy hoạch, sự đầy đủ của nội dung đồ án quy hoạch xây dựng; không xem xét sự đồng bộ các cấp độ quy hoạch đối với các chỉ tiêu không thể hiện trong thiết kế cơ sở;

- Cơ quan chuyên môn của người quyết định đầu tư chịu trách nhiệm thẩm định các nội dung theo quy định tại Điều 57 Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 (đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 14 Điều 1 của Luật số 62/2020/QH14);



- Đơn vị trình thẩm định và người quyết định đầu tư chịu trách nhiệm về tính trung thực, nội dung và các thông tin khác liên quan đến hồ sơ trình thẩm định; chủ đầu tư và các nhà thầu tư vấn chịu trách nhiệm về tính pháp lý, chính xác của các số liệu tại hồ sơ trình thẩm định.

1. Sự tuân thủ quy định của pháp luật về lập dự án đầu tư xây dựng, thiết kế cơ sở; điều kiện năng lực hoạt động xây dựng của tổ chức, cá nhân hành nghề xây dựng.

- Dự án cơ bản tuân thủ các quy định pháp luật về lập dự án đầu tư xây dựng, thiết kế cơ sở theo quy định.

- Điều kiện năng lực hoạt động xây dựng của tổ chức, cá nhân hành nghề xây dựng:

+ Năng lực hoạt động của đơn vị tư vấn lập thiết kế cơ sở, đơn vị tư vấn khảo sát xây dựng, Nhà thầu thẩm tra thiết kế cơ sở cơ bản phù hợp với quy định hiện hành.

+ Năng lực hành nghề của cá nhân: Các cá nhân tham gia chủ nhiệm dự án, chủ trì khảo sát, chủ trì thiết kế, chủ trì thẩm tra Dự án đầu tư xây dựng có đầy đủ các chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng theo quy định.

2. Sự phù hợp của thiết kế cơ sở với quy hoạch xây dựng, quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành khác theo quy định của pháp luật về quy hoạch hoặc phương án tuyến công trình, vị trí công trình được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận.

- Hồ sơ thiết kế cơ sở Trạm xử lý nước số 1, Giai đoạn 3 công suất: 14.000/34.000 m³/ngày.đêm - Khu công nghiệp Sông Khoai, thuộc dự án đầu tư xây dựng, kinh doanh cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp Sông Khoai, tỉnh Quảng Ninh được lập phù hợp với Quyết định số 12/QĐ-BQLKKT ngày 12/01/2024 của Ban quản lý Khu kinh tế Quảng Ninh về việc Phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tổng mặt bằng xây dựng tỷ lệ 1/500 Trạm xử lý nước sạch số 1 tại Lô HT-02, khu công nghiệp Sông Khoai, thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh, Quyết định số 300/QĐ-BQLKKT ngày 12/10/2023 Ban quản lý Khu kinh tế Quảng Ninh về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Dự án xây dựng, kinh doanh cơ sở hạ tầng KCN Sông Khoai, thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh, Quyết định số 1066/QĐ-UBND ngày 24/04/2023 của UBND tỉnh Quảng Ninh về việc phê duyệt điều chỉnh cục bộ (lần 03) Quy hoạch phân khu xây dựng tỉ lệ 1/2.000 KCN Sông Khoai, Thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh..

- UBND tỉnh Quảng Ninh và Ban Quản lý Khu kinh tế Quảng Ninh chịu trách nhiệm phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tại các Quyết định nêu trên cũng việc như điều chỉnh công suất Dự án từ 13.000 m³/ngày.đêm lên 34.000 m³/ ngày.đêm, đảm bảo phù hợp với các quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng và các quy hoạch

ngành có liên quan, tuân thủ theo các quy định của Luật Quy hoạch đô thị năm 2009, Luật Xây dựng năm 2014 và các quy định pháp luật khác có liên quan.

3. Sự phù hợp của dự án với chủ trương đầu tư được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định hoặc chấp thuận; với chương trình, kế hoạch thực hiện, các yêu cầu khác của dự án theo quy định của pháp luật có liên quan (nếu có).

Trạm xử lý nước số 1, Giai đoạn 3 công suất: 14.000/34.000 m³/ngày.đêm thuộc Dự án xây dựng, kinh doanh cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp Sông Khoai, thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh đã được phê duyệt chủ trương đầu tư tại Quyết định số 352/QĐ-TTg ngày 29/3/2018 của Thủ tướng Chính phủ và được lập phù hợp với Giấy Chứng nhận đăng ký đầu tư của Dự án đầu tư Xây dựng, kinh doanh cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp Sông Khoai, thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh, mã số dự án 4380112185 ngày chứng nhận lần đầu 29/3/2018; chứng nhận điều chỉnh lần thứ năm ngày 16/02/2023; chứng nhận điều chỉnh lần thứ 6 ngày 22/3/2024. Chủ đầu tư phải có trách nhiệm tuân thủ chủ trương đầu tư và Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư của cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và các quy định về đầu tư theo pháp luật về đầu tư.

4. Khả năng kết nối hạ tầng kỹ thuật khu vực; khả năng đáp ứng hạ tầng kỹ thuật và việc phân giao trách nhiệm quản lý các công trình theo quy định của pháp luật có liên quan đối với dự án đầu tư xây dựng khu đô thị.

- Trạm xử lý nước số 1, Giai đoạn 3 công suất: 14.000/34.000 m³/ngày.đêm cơ bản đáp ứng kết nối với các hạng mục hạ tầng kỹ thuật của Trạm xử lý nước số 1 và kết nối với hệ thống hạ tầng kỹ thuật của Khu công nghiệp Sông Khoai, tỉnh Quảng Ninh trên cơ sở Quyết định số 12/QĐ-BQLKKT ngày 12/01/2024 của Ban quản lý Khu kinh tế Quảng Ninh về việc Phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tổng mặt bằng xây dựng tỷ lệ 1/500 Trạm xử lý nước sạch số 1 tại Lô HT-02, khu công nghiệp Sông Khoai, thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh.

- Dự án đã có thỏa thuận đầu nối cấp nước bằng các văn bản số 675/VB-CT ngày 5/11/2018 của Công ty TNHH một thành viên Thủy Lợi Yên Lập Quảng Ninh về việc chấp thuận đầu nối nguồn cấp nước cho dự án Xây dựng, kinh doanh cơ sở hạ tầng khu công nghiệp Sông Khoai giai đoạn và văn bản số 1198/TLYL-QLN ngày 23/7/2020 của Công ty TNHH MTV Thủy Lợi Yên Lập Quảng Ninh về việc thống nhất vị trí đặt trạm bơm cấp 1 và tuyến ống nước thô trong phạm vi hành lang bảo vệ công trình thủy lợi do Công ty quản lý. Tuy nhiên, công suất của Nhà máy xử lý nước số 1 điều chỉnh từ 13.000 m³/ngày.đêm lên 34.000 m³/ngày.đêm, do vậy đề nghị Chủ đầu tư liên hệ cơ quan có thẩm quyền để rà soát thỏa thuận trên cơ sở quy mô công suất của trạm đã được nâng lên 34.000 m³/ngày.đêm, đảm bảo nhu cầu dùng nước của Khu công nghiệp.

5. Sự phù hợp của giải pháp thiết kế cơ sở về bảo đảm an toàn xây dựng; việc thực hiện các yêu cầu về phòng, chống cháy, nổ và bảo vệ môi trường.

- Theo Căn cứ Báo cáo thẩm tra số 394/202/BCTTr ngày 30/01/2024 của Công ty Cổ phần tư vấn xây dựng tổng hợp - NAGECCO về Thẩm tra hồ sơ thiết kế cơ sở Trạm xử lý nước số 1 - Giai đoạn 3 công suất 14.000/34.000 m³/ngày.đêm: Hồ sơ thiết kế các hạng mục công trình có giải pháp thiết kế áp dụng hợp lý, phù hợp với quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành; giải pháp thiết kế kết cấu áp dụng cho công trình đảm bảo an toàn, khả năng chịu lực, đảm bảo an toàn đối với công trình lân cận.

- Quy định về bảo vệ môi trường Hạng mục công trình Trạm xử lý nước số 1, Giai đoạn 3 công suất: 14.000/34.000 m³/ngày.đêm, thuộc dự án đầu tư xây dựng, kinh doanh cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp Sông Khoai, tỉnh Quảng Ninh đã được phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường tại Quyết định số 3487/QĐ-BTNMT ngày 29/12/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường (Trạm xử lý nước số 1 chỉ có quy mô 13.000 m³/ngày.đêm), tuy nhiên công suất của trạm xử lý nước số 1 được nâng lên thành 34.000 m³/ngày.đêm phù hợp với phụ lục 4 kèm Giấy phép môi trường số 89/GPMT-BTNMT ngày 22/3/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, trong đó đã yêu cầu tiếp tục xây dựng bổ sung các mô đun xử lý nước cấp với công suất 14.000 m³/ngày.đêm tại trạm xử lý nước cấp số 1. Trạm xử lý nước cấp số 1 có tổng công suất là 34.000 m³/ngày.đêm. Chủ đầu tư có trách nhiệm tuân thủ theo Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

- Quy định về phòng, chống cháy, nổ: Hạng mục công trình Trạm xử lý nước số 1, Giai đoạn 3 công suất: 14.000/34.000 m³/ngày.đêm, thuộc dự án đầu tư xây dựng, kinh doanh cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp Sông Khoai, tỉnh Quảng Ninh đã có Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy số 1862/TD-PCCC-P4 của Cục Cảnh sát Phòng cháy chữa cháy và Cứu hộ cứu nạn - Bộ Công an cấp ngày 30/08/2019). Trạm xử lý nước cấp không thuộc Danh mục dự án, công trình phải thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy. Tuy nhiên, Chủ đầu tư cần bố trí thiết kế các hạng mục công trình trong Trạm xử lý nước số 1 bảo đảm yêu cầu của quy chuẩn, tiêu chuẩn về phòng cháy và chữa cháy theo quy định.

6. Sự tuân thủ quy chuẩn kỹ thuật và áp dụng tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật.

Theo Báo cáo thẩm tra hồ sơ thiết kế cơ sở tuân thủ các tiêu quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành. Trong quá trình triển khai bước tiếp theo, Chủ đầu tư cần rà soát các tiêu chuẩn áp dụng để thiết kế, loại khỏi danh mục những tiêu chuẩn đã bị thay thế, hết hiệu lực; không sử dụng trong thiết kế; cập nhật quy chuẩn, tiêu



✓

chuẩn kỹ thuật áp dụng theo quy định hiện hành. Việc áp dụng các tiêu chuẩn trong thiết kế xây dựng phải tuân thủ các quy định tại khoản 2, khoản 3 và khoản 4 Điều 6 Luật Xây dựng số 50/2014/QH13.

V. KẾT LUẬN

1. Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng Trạm xử lý nước số 1, Giai đoạn 3 công suất: 14.000/34.000 m³/ngày.đêm - Khu công nghiệp Sông Khoai (Trạm xử lý nước sạch số 1 theo tên gọi của quy hoạch tổng mặt bằng xây dựng tỷ lệ 1/500) cơ bản đủ điều kiện, đề trình tổng hợp, phê duyệt và triển khai các bước tiếp theo sau khi hoàn thiện các nội dung yêu cầu tại mục IV của thông báo này.

Chủ đầu tư hoàn thiện và nộp về Cục Hạ tầng kỹ thuật qua Bộ phận một cửa của Bộ Xây dựng để hoàn tất thủ tục đóng dấu thẩm định hồ sơ.

2. Đề nghị Chủ đầu tư lưu ý một số nội dung sau:

- Việc thẩm định công nghệ sử dụng cho các công trình thuộc dự án do người quyết định đầu tư quyết định và thực hiện theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ và Điều 16, 17 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về Quản lý dự án đầu tư xây dựng.

- Việc tính toán, thiết kế các hạng mục công trình của giải đoạn 3 (mô đun 3) cần đáp ứng công suất xử lý nước và đồng bộ với các hạng mục công trình của Trạm xử lý nước số 1; Đảm bảo việc kết nối, đồng bộ hạ tầng kỹ thuật của Trạm xử lý nước số 1 với Khu công nghiệp Sông Khoai và bên ngoài ranh giới của Khu công nghiệp.

- Chủ đầu tư có trách nhiệm tuân thủ các quy định về đầu tư, xây dựng, môi trường, phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật. Trong giai đoạn thi công cần tuân thủ ranh giới, mốc giới phù hợp với quy hoạch đã được phê duyệt, có biện pháp bảo đảm an toàn và vệ sinh môi trường.

- Chủ đầu tư, Tư vấn thẩm tra, Tư vấn thiết kế, các đơn vị có liên quan hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác trong việc cung cấp tài liệu, dữ liệu sử dụng và các nội dung báo cáo trong hồ sơ trình thẩm định này.

Trên đây là thông báo của Cục Hạ tầng kỹ thuật - Bộ Xây dựng về kết quả thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng Trạm xử lý nước số 1, Giai đoạn 3 công suất: 14.000/34.000 m³/ngày.đêm - Khu công nghiệp Sông Khoai. Đề nghị Chủ đầu tư nghiên cứu, thực hiện theo quy định./.

Nơi nhận: ✓

- Như trên;
- Sở Xây dựng tỉnh Quảng Ninh (đ/b);
- Ban QLKKT Quảng Ninh (đ/b);
- Lưu VT, GCN_(XL).



Trần Hoài Anh